

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

BÀI 17. QUẢN TRỊ CSDL TRÊN MÁY TÍNH

Câu 1: Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính cung cấp khả năng kiểm soát truy cập và độ bảo mật cao hơn so với quản lý thủ công?

- A. Dữ liệu trong CSDL có thể được tìm kiếm, lọc, và phân tích theo nhiều tiêu chí khác nhau trong thời gian ngắn, giúp người quản lý dễ dàng đưa ra quyết định hoặc tìm kiếm thông tin cần thiết.
- B. Các hoạt động cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu trên máy tính thường được tự động hóa và có thể được thực hiện đồng thời trên nhiều bản ghi, giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt công sức so với quản lý thủ công mà phải xử lý từng bản ghi một
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa.

Câu 2: Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính thường nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức hơn so với quản lý thủ công?

- A. Dữ liệu trong CSDL có thể được tìm kiếm, lọc, và phân tích theo nhiều tiêu chí khác nhau trong thời gian ngắn, giúp người quản lý dễ dàng đưa ra quyết định hoặc tìm kiếm thông tin cần thiết.
- B. Các hoạt động cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu trên máy tính thường được tự động hóa và có thể được thực hiện đồng thời trên nhiều bản ghi, giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt công sức so với quản lý thủ công mà phải xử lý từng bản ghi một.
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa.

Câu 3: Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính mang lại khả năng tra cứu và phân tích dữ liệu hiệu quả hơn so với quản lý thủ công?

- A. Dữ liệu trong CSDL có thể được tìm kiếm, lọc, và phân tích theo nhiều tiêu chí khác nhau trong thời gian ngắn, giúp người quản lý dễ dàng đưa ra quyết định hoặc tìm kiếm thông tin cần thiết.
- B. Các hoạt động cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu trên máy tính thường được tự động hóa và có thể được thực hiện đồng thời trên nhiều bản ghi, giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt công sức so với quản lý thủ công mà phải xử lý từng bản ghi một.
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa

Câu 4: Hãy chọn câu ghép đúng: MySQL là

- A. phần mềm khách hỗ trợ truy xuất vào CSDL trên máy tính.
- B. hệ quản trị cơ sở dữ liệu.

- C. phần mềm quản lí nội dung phổ biến trên Internet.
- D. phần mềm thường được tích hợp vào các ứng dụng quản lí.

Câu 5: Trên máy chạy MS Windows, mysql.exe là phần mềm gì?

- A. Là một hệ QTCSDL trên máy tính.
- B. Là chương trình cài đặt MySQL.
- C. Là phần mềm khách của hệ MySQL, hỗ trợ truy cập vào MySQL.
- D. Là phần mềm thiết lập cấu hình cho MySQL.

Câu 6: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng?

- A. Để quản trị CSDL trên máy tính chỉ cần cài đặt mysql exe.
- B. Không có mysql.exe không thể truy cập dữ liệu trong CSDL.
- C. Mysql.exe là thành phần khách của hệ QTCSDL. MySQL được đóng gói trong bộ cài đặt MySQL dùng để truy cập tại chỗ hay truy cập từ xa vào MySQL.
- D. Mysql.exe là phần mềm quản trị các CSDL và dữ liệu trên máy tính.

Câu 7: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?

- A. MySQL chỉ thích hợp cho các bài toán quản lí nhỏ.
- B. MySQL chỉ thích hợp cho các bài toán quản lí trên môi trường Internet.
- C. MySQL thích hợp cho cả các bài toán quản lí nhỏ và lớn cũng như các ứng dụng quản lí trên môi trường Internet.
- D. MySQL không thích hợp cho các bài toán quản lí trên Internet.

Câu 8: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?

- A. MySQL chỉ có thể chạy trên nền hệ điều hành MS Windows.
- B. MySQL có thể chạy trên cả hệ điều hành nguồn mở LINUX nếu cài đặt trên LINUX một phần mềm mô phỏng MS Windows.
- C. MySQL không thể chạy được trên hệ điều hành nguồn mở LINUX.
- D. MySQL có các phiên bản riêng để chạy được trên các hệ điều hành khác nhau: MS Windows, LINUX, Mac OS và UNIX.

Câu 9: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng nhất?

- A. HeidiSQL là phần mềm QTCSDL theo chuẩn SQL.
- B. HeidiSQL là phần mềm cho phép làm việc với các CSDL trên MS Windows.
- C. HeidiSQL là một phần mềm khách với giao diện đồ họa có thể truy cập cho hầu hết các hệ CSDL phổ biến như MySQL, MariaDB, Microsoft SQL Server, PostgreSQL
- D. HeidiSQL là một phần mềm khách với giao diện đồ họa cho hệ QTCSDL MySQL.

Câu 10: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng?

- A. HeidiSQL là một phần mềm nguồn mở miễn phí, có giao diện đồ họa thân thiện, có thể dùng thay thế cho phần mềm khách mysql exe.
- B. Chỉ cần cài đặt HeidiSQL là có thể làm việc được với các CSDL trên môi trường MS Windows.
- C. HeidiSQL là một phần mềm thiết yếu mà không có nó sẽ không thể truy xuất được vào các hệ QTCSDL.
- D. HeidiSQL là phần mềm được đóng gói sẵn với bộ cài đặt MySQL.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Với HeidiSQL, có thể truy cập vào mọi hệ QTCSDL.
- B. Với HeidiSQL, có thể truy cập vào mọi hệ QTCSDL MySQL mà không cần tài khoản truy cập.
- C. Với HeidiSQL, có thể truy cập tại chỗ hay từ xa vào các hệ QTCSDL MySQL, MariaDB, Microsoft SQL Server, PostgreSQL bằng một tài khoản hợp lệ.
- D. Với HeidiSQL, chỉ có thể truy cập tại chỗ vào các hệ quản trị CSDL MySQL MariaDB, Microsoft SQL Server, PostgreSQL.

BÀI 18. XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC BẢNG VÀ CÁC TRƯỜNG KHÓA

Câu 1: Mỗi hàng của bảng được gọi là một?

- A. Trường
- B. Thuộc tính
- C. Khóa
- D. Bản ghi

Câu 2: Mỗi cột trong bảng được gọi là?

- A. Thuộc tính
- B. Khóa
- C. Bản ghi
- D. Trường

Câu 3: Các trường là khóa ngoài của bảng là các trường tham chiếu đến một trường ... của một bảng khác. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. dữ liệu
- B. khoá ngoài
- C. khoá chính
- D. khoá chống trùng lặp

Câu 4: Có thể dùng gì để thực hiện ghép nối dữ liệu hai bảng với nhau

- A. Khóa trong
- B. Khóa chính
- C. Khóa ngoài
- D. Khoá chống trùng lặp

Câu 5: Để khai báo khóa ngoài chọn thẻ?

- A. "Create database"
- B. Foreign keys
- C. "Root"
- D. "Create new"

Câu 6: Cho bảng dữ liệu sau:

SANPHAM			
MaSP	TenSP	NoiSX	Gia
SGA7	Samsung Galaxy A72	Hàn Quốc	11,490,000
OA94	Oppo A94	Trung Quốc	7,690,000
SGA5	Samsung Galaxy A51	Hàn Quốc	7,990,000
VAP8	Vsmart Aris Pro	Việt Nam	8,490,000

Khoá chính của bảng **SANPHAM** là:

- A. MaSP
- B. TenSP
- C. NoiSX
- D. Gia

Câu 7: Cho bảng dữ liệu sau:

HOADON			
SoHD	NgayMua	MaKH	TriGia
1001	19/02/2023	KH001	22,980,000
1002	02/11/2023	KH002	15,680,000
1003	10/01/2023	KH002	25,470,000
1004	19/07/2023	KH004	19,980,000

Khoá ngoài của bảng **HOADON** là:

- A. SoHD B. NgayMua C. MaKH D. TriGia

Câu 8: Cho bảng dữ liệu sau:

KHACHHANG			
MaKH	TenKH	DiaChi	SoDT
KH001	Nguyễn Nam Anh	Phan Thiết - Bình Thuận	0976186176
KH002	Trịnh Thị Bình	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	0924572199
KH003	Trương Văn Cang	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	0354545457
KH004	Lê Ngọc Tú Trinh	Phú Quý - Bình Thuận	0793434534
KH005	Trần Thanh Sang	Tuy Phong - Bình Thuận	0902345311

Kiểu dữ liệu của **SoDT** trong bảng **KHACHHANG** là:

- A. INT B. VARCHAR C. DATE D. FLOAT

Câu 9: Khóa cấm trùng lặp có vai trò gì?

- A. Hạn chế trùng lặp lượng lớn dữ liệu.
B. Hỗ trợ khoá ngoài.
C. Ngăn cản giá trị trùng lặp trong các trường chỉ định, hỗ trợ đảm bảo tính chính xác của dữ liệu nhập vào.
B. Có vai trò tương tự khóa ngoài.

Câu 10: Để thêm thông tin ngày sinh của các nhạc sĩ, ca sĩ vào CSDL, bạn cần?

- A. Cần thay đổi cấu trúc CSDL bằng cách thêm một bảng mới để lưu trữ thông tin này
B. Thêm một trường mới vào bảng “nhacsi” và bảng “casi” để lưu trữ thông tin ngày sinh
C. Cần xóa bỏ cấu trúc CSDL và thay bằng cấu trúc khác
D. Không thể thêm thông tin ngày sinh khi đã tạo bảng "nhacsi" và bảng "casi".

BÀI 19. THỰC HÀNH TẠO LẬP CSDL VÀ CÁC BẢNG ĐƠN GIẢN

Câu 1: Việc đầu tiên để làm việc với một CSDL là?

- A. Thu thập
B. Xử lý
C. Tạo lập
D. Truy vấn dữ liệu

Câu 2: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là ?

- A. Thu thập dữ liệu
- B. Xử lý dữ liệu
- C. Tạo ra một hay nhiều bảng
- D. Sao chép, di chuyển nội dung trong các bảng

Câu 3: Mở HeidiSQL và kết nối đến cơ sở dữ liệu của bạn (nếu đã có). Nếu chưa có cơ sở dữ liệu, bạn có thể tạo mới một cơ sở dữ liệu bằng cách nhấp chuột phải vào?

- A. "Create database"
- B. "Create new"
- C. "Root"
- D. "Create table"

Câu 4: Sau khi kết nối đến cơ sở dữ liệu, bạn có thể chọn cơ sở dữ liệu đó trong?

- A. Danh sách cơ sở dữ liệu được hiển thị bên dưới của HeidiSQL.
- B. Danh sách cơ sở dữ liệu được hiển thị bên phải của HeidiSQL.
- C. Danh sách cơ sở dữ liệu được hiển thị bên trái của HeidiSQL.
- D. Danh sách cơ sở dữ liệu được hiển thị bên trên của HeidiSQL.

Câu 5: Để tạo bảng mới trong HeidiSQL, em chọn?

- A. "Create database"
- B. "Root"
- C. "Create new"
- D. "Create table"

Câu 6: Sau khi đã tạo các bảng, bạn có thể thiết lập các quan hệ giữa các bảng bằng cách?

- A. Thiết lập khóa phụ.
- B. Thiết lập khóa chính.
- C. Thiết lập khóa ngoại.
- D. Thiết lập khóa ngoại không trùng lặp.

Câu 7: Bạn có thể sử dụng các câu lệnh SQL hoặc giao diện đồ họa của HeidiSQL để?

- A. Thêm dữ liệu trong các bảng.
- B. Sửa đổi dữ liệu trong các bảng.
- C. Xóa dữ liệu trong các bảng.
- D. Thêm, sửa, xóa dữ liệu trong các bảng.

Câu 8: Để Tạo bảng Casi thì em cần?

- A. Nháy nút trái chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng.
- B. Nhấn giữ nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn Bảng.

C. Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng

D. Nháy Ctrl + N, chọn Bảng.

Câu 9: Khi chọn thêm mới để thêm trường thì một trường mới hiện ra với tên mặc định là?

A. Cột mới

B. Trường mới

C. Column 1

D. Row 1

Câu 10: Để ấn định khóa chính thì ta thực hiện?

A. Chọn Create new index -> Primary

B. Chọn Create new index -> Key

C. Chọn Create new index -> Unique

D. Chọn Create new index -> Fulltext

BÀI 20. THỰC HÀNH TẠO LẬP CÁC BẢNG CÓ KHÓA NGOÀI

Câu 1: Khoá ngoài có tác dụng?

A. Thể hiện dữ liệu chính.

B. Liên kết các dữ liệu trong bảng với nhau.

C. Liên kết dữ liệu giữa các bảng.

D. Tránh việc trùng lặp dữ liệu trong bảng.

Câu 2: Việc thiết lập khoá ngoài được thực hiện như thế nào?

A. Việc thiết lập khoá ngoài được thực hiện bằng cách xác định cột trong bảng hiện tại là khoá ngoài.

B. Việc thiết lập khoá ngoài được thực hiện bằng cách chỉ định bảng mà khoá ngoài này tham chiếu đến (bảng gốc).

C. Việc thiết lập khoá ngoài được thực hiện bằng cách xác định cột trong bảng hiện tại là khoá ngoài, và chỉ định bảng mà khoá ngoài này tham chiếu đến (bảng gốc).

D. Việc thiết lập khoá ngoài được thực hiện bằng cách xác định hàng trong bảng hiện tại là khoá ngoài, và chỉ định bảng mà khoá ngoài này tham chiếu đến (bảng gốc).

Câu 3: Để chọn giá trị mặc định là AUTO_INCREMENT thì nháy chuột vào ô?

A. Allow NULL.

B. Add column.

C. No default.

D. Add row.

Câu 4: Các trường là khóa ngoài của bảng là?

A. Các dữ liệu trong một cột liên kết đến một cột của bảng khác.

B. Các ô trong bảng liên kết đến một ô của bảng khác.

C. Các trường tham chiếu đến một trường khóa chính của bảng khác.

D. Các bản ghi tham chiếu đến một trường khóa chính của bảng khác.

Câu 5: Tên các trường không được trùng lặp giá trị nên phải khai báo khóa?

A. Chính

B. Phụ

C. Cấm trùng lặp

D. Ngoài

Câu 6: Để khai báo khóa cấm trùng lặp ta dùng?

A. Chọn Create new index -> Primary

B. Chọn Create new index -> Key

C. Chọn Create new index -> Unique

D. Chọn Create new index -> Fulltext

Câu 7: Để khai báo khóa ngoài chọn thẻ?

A. " Create database"

B. "Create new"

C. "Root"

D. Foreign keys

Câu 8: Để chọn bảng tham chiếu ta chọn ô?

A. " Create database"

B. "Create new"

C. Reference table

D. Foreign keys

BÀI 21. THỰC HÀNH CẬP NHẬT VÀ TRUY XUẤT DỮ LIỆU CÁC BẢNG ĐƠN GIẢN

Câu 1: Muốn thêm dữ liệu vào bảng <tên bảng> với giá trị lấy từ <danh sách giá trị> ta dùng câu truy xuất nào dưới đây?

A. INSERT INTO < tên bảng> VALUES <danh sách giá trị>

B. ORDER BY < tên trường>

C. INNER JOIN

D. DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>

Câu 2: Muốn cập nhật <giá trị> cho trường có tên là <tên trường> trong bảng <tên bảng> ta dùng câu truy xuất nào dưới đây?

A. UPDATE < tên bảng> SET < tên trường> = <giá trị>

B. ORDER BY < tên trường>

C. INNER JOIN

D. DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>

Câu 3: Muốn sắp xếp các dòng kết quả theo thứ tự chỉ định ta dùng câu truy xuất nào dưới đây?

A. WHERE < điều kiện chọn>

B. ORDER BY < tên trường>

C. INNER JOIN

D. DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>

Câu 4: Muốn xóa các dòng trong bảng < tên bảng> thỏa mãn <điều kiện> ta dùng câu truy xuất nào dưới đây?

A. WHERE < điều kiện chọn>

B. ORDER BY < tên trường>

C. INNER JOIN

D. DELETE FROM <tên bảng> WHERE <điều kiện>

Câu 5: Muốn truy xuất tất cả các dòng dữ liệu từ bảng "casi" ta dùng ?

A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';

B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;

C. SELECT * FROM casi;

D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

Câu 6: Muốn truy xuất các ca sĩ theo thứ tự tên theo thứ tự từ A đến Z ta dùng ?

A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';

B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;

C. SELECT * FROM casi ORDER BY tencasi ASC;

D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

Câu 7: Muốn truy xuất dữ liệu các ca sĩ có "idcasi" nằm trong danh sách (1, 2, 3) ta dùng ?

A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';

B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;

C. SELECT * FROM casi WHERE idcasi IN (1, 2, 3);

D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

Câu 8: Muốn truy xuất dữ liệu các ca sĩ theo thứ tự "idcasi" giảm dần ta dùng ?

A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';

B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;

C. SELECT * FROM casi ORDER BY idcasi DESC;

D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

Câu 9: Muốn truy xuất dữ liệu các ca sĩ có "idcasi" là 1 ta dùng ?

- A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';
- B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;
- C. SELECT * FROM casi;
- D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

Câu 10: Muốn truy xuất dữ liệu các ca sĩ có "tencasi" bắt đầu bằng chữ "N" ta dùng ?

- A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';
- B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;
- C. SELECT * FROM casi;
- D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

Câu 11: Muốn truy xuất dữ liệu các ca sĩ có "tencasi" chứa từ khóa "Hoa" ta dùng ?

- A. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE '%Hoa%';
- B. SELECT * FROM casi WHERE idcasi = 1;
- C. SELECT * FROM casi;
- D. SELECT * FROM casi WHERE tencasi LIKE 'N%';

BÀI 22. THỰC HÀNH CẬP NHẬT BẢNG DỮ LIỆU CÓ THAM CHIẾU

Câu 1: Để truy xuất dữ liệu từ bảng "banthuan" với điều kiện cụ thể trên trường "idbannhac" ta dùng câu lệnh?

- A. SELECT * FROM banthuan;
- B. SELECT * FROM banthuan ORDER BY idbannhac ASC;
- C. SELECT idbannhac, idcasi FROM banthuan;
- D. SELECT * FROM banthuan WHERE idbannhac = 1; -- Giả sử giá trị idbannhac cần tìm là 1

Câu 2: Để truy xuất tất cả dữ liệu từ bảng "banthuan" ta dùng câu lệnh?

- A. SELECT * FROM banthuan;
- B. SELECT * FROM banthuan ORDER BY idbannhac ASC;
- C. SELECT idbannhac, idcasi FROM banthuan;
- D. SELECT * FROM banthuan WHERE idbannhac = 1; -- Giả sử giá trị idbannhac cần tìm là 1

Câu 3: Để truy xuất dữ liệu từ bảng "banthuan" sắp xếp theo một trường cụ thể ta dùng câu lệnh?

- A. SELECT * FROM banthuan;
- B. SELECT * FROM banthuan ORDER BY idbannhac ASC;
- C. SELECT * FROM banthuan ORDER BY idbannhac ASC; -- Giả sử muốn sắp xếp theo trường idbannhac tăng dần
- D. SELECT * FROM banthuan WHERE idbannhac = 1; -- Giả sử giá trị idbannhac cần tìm là 1

Câu 4: Để Truy xuất tất cả dữ liệu từ bảng "quanhuyen" ta dùng câu lệnh?

A. SELECT * FROM quanhuyen WHERE danso > 1000000 -- Giả sử giá trị danso cần tìm là lớn hơn 1.000.000 AND dientich < 1000; -- Giả sử giá trị dientich cần tìm là nhỏ hơn 1000

B. SELECT * FROM quanhuyen WHERE idquanhuyen = 1; -- Giả sử giá trị idquanhuyen cần tìm là 1

C. SELECT * FROM quanhuyen;

D. SELECT idquanhuyen, tenquanhuyen FROM quanhuyen;

Câu 5: Để Truy xuất chỉ một số trường cụ thể từ bảng "quanhuyen" ta dùng câu lệnh?

A. SELECT * FROM quanhuyen WHERE danso > 1000000 -- Giả sử giá trị danso cần tìm là lớn hơn 1.000.000 AND dientich < 1000; -- Giả sử giá trị dientich cần tìm là nhỏ hơn 1000

B. SELECT * FROM quanhuyen WHERE idquanhuyen = 1; -- Giả sử giá trị idquanhuyen cần tìm là 1

C. SELECT * FROM quanhuyen;

D. SELECT idquanhuyen, tenquanhuyen FROM quanhuyen;

Câu 6: Để Truy xuất dữ liệu từ bảng "quanhuyen" sắp xếp theo một trường cụ thể?

A. SELECT * FROM quanhuyen WHERE danso > 1000000 -- Giả sử giá trị danso cần tìm là lớn hơn 1.000.000 AND dientich < 1000; -- Giả sử giá trị dientich cần tìm là nhỏ hơn 1000

B. SELECT * FROM quanhuyen WHERE idquanhuyen = 1; -- Giả sử giá trị idquanhuyen cần tìm là 1

C. SELECT * FROM quanhuyen ORDER BY danso DESC; -- Giả sử muốn sắp xếp theo trường danso giảm dần (DESC)

D. SELECT idquanhuyen, tenquanhuyen FROM quanhuyen;

BÀI 23. THỰC HÀNH TRUY XUẤT DỮ LIỆU QUA LIÊN KẾT CÁC BẢNG

Câu 1: Cho các bảng dữ liệu:

KHACHHANG			
MaKH	TenKH	ĐịaChí	SoDT
KH001	Nguyễn Nam Anh	Phan Thiết - Bình Thuận	0976186176
KH002	Trịnh Thị Bình	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	0924572199
KH003	Trương Văn Cang	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	0354545457
KH004	Lê Ngọc Tú Trinh	Phú Quý - Bình Thuận	0793434534
KH005	Trần Thanh Sang	Tuy Phong - Bình Thuận	0902345311

HOADON			
SoHD	NgàyMua	MaKH	TriGia
1001	19/02/2023	KH001	22,980,000
1002	02/11/2023	KH002	15,680,000
1003	10/01/2023	KH002	25,470,000
1004	19/07/2023	KH004	19,980,000

Tên khách hàng có hoá đơn mua sản phẩm ngày 19/07/2023 là:

A. Nguyễn Nam Anh

B. Trịnh Thị Bình

C. Trương Văn Cang

D. Lê Ngọc Tú Trinh

Câu 2: Cho các bảng dữ liệu:

HOADON				CHITIETHD		
SoHD	NgayMua	MaKH	TriGia	SoHD	MaSP	SoLuong
1001	19/02/2023	KH001	22,980,000	1001	SGA7	1
1002	02/11/2023	KH002	15,680,000	1001	SGA7	1
1003	10/01/2023	KH002	25,470,000	1002	OA94	1
1004	19/07/2023	KH004	19,980,000	1002	SGA5	1

SANPHAM			
MaSP	TenSP	NoiSX	Gia
SGA7	Samsung Galaxy A72	Hàn Quốc	11,490,000
OA94	Oppo A94	Trung Quốc	7,690,000
SGA5	Samsung Galaxy A51	Hàn Quốc	7,990,000
VAP8	Vsmart Aris Pro	Việt Nam	8,490,000

Khách hàng có mã **KH001** đã mua những sản phẩm nào:

A. Samsung Galaxy A72

B. Samsung Galaxy A51

C. Oppo A94

D. Samsung Galaxy A72 và Samsung Galaxy A51

Câu 3: Để truy xuất dữ liệu từ bảng "banthuan" với điều kiện kết hợp giữa nhiều trường ta dùng câu lệnh?

A. SELECT * FROM banthuan WHERE idcasi = 2 -- Giả sử giá trị idcasi cần tìm là 2 AND banthuan >= 100; -- Giả sử giá trị banthuan cần tìm là lớn hơn hoặc bằng 100

B. SELECT * FROM banthuan ORDER BY idbannhac ASC;

C. SELECT idbannhac, idcasi FROM banthuan;

D. SELECT * FROM banthuan WHERE idbannhac = 1; -- Giả sử giá trị idbannhac cần tìm là 1

Câu 4: Để Truy xuất dữ liệu từ bảng "quanhuyen" với điều kiện cụ thể trên trường "idquanhuyen" ta dùng câu lệnh?

A. SELECT * FROM quanhuyen WHERE danso > 1000000 -- Giả sử giá trị danso cần tìm là lớn hơn 1.000.000 AND dientich < 1000; -- Giả sử giá trị dientich cần tìm là nhỏ hơn 1000

B. SELECT * FROM quanhuyen WHERE idquanhuyen = 1; -- Giả sử giá trị idquanhuyen cần tìm là 1

C. SELECT * FROM quanhuyen;

D. SELECT idquanhuyen, tenquanhuyen FROM quanhuyen;

Câu 5: Để Truy xuất dữ liệu từ bảng "quanhuyen" với điều kiện kết hợp giữa nhiều trường ta dùng câu lệnh?

- A. SELECT * FROM quanhuyen WHERE danso > 1000000 -- Giả sử giá trị danso cần tìm là lớn hơn 1.000.000 AND dientich < 1000; -- Giả sử giá trị dientich cần tìm là nhỏ hơn 1000
- B. SELECT * FROM quanhuyen WHERE idquanhuyen = 1; -- Giả sử giá trị idquanhuyen cần tìm là 1
- C. SELECT * FROM quanhuyen;
- D. SELECT idquanhuyen, tenquanhuyen FROM quanhuyen;

BÀI 24. THỰC HÀNH: SAO LƯU DỮ LIỆU

Câu 1: Để tổ chức đảm bảo an toàn CSDL phục vụ công tác quản lý của một tổ chức, cần?

- A. Xây dựng chính sách truy cập dữ liệu với những kế hoạch về tất cả các phương án sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục.
- B. Xây dựng chính sách bảo vệ người dùng với những kế hoạch về tất cả các phương án sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục.
- C. Xây dựng chính sách an toàn dữ liệu với những kế hoạch về tất cả các phương án sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục.
- D. Xây dựng chính sách truy xuất dữ liệu với những kế hoạch về tất cả các phương án sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục.

Câu 2: Thực hiện Cấu hình tính năng sao lưu dữ liệu dự phòng để?

- A. Đảm bảo tính nhanh chóng, đúng đắn và đầy đủ của quy trình phục hồi dữ liệu.
- B. Đảm bảo tính thường xuyên, đúng đắn và đầy đủ của quá trình sao lưu dữ liệu.
- C. Đáp ứng đúng yêu cầu của tổ chức và đảm bảo tính an toàn của dữ liệu.
- D. Tạo ra tính đúng đắn về CSDL.

Câu 3: Cần thực hiện các kiểm tra định kỳ để?

- A. Đảm bảo tính thường xuyên, đúng đắn và đầy đủ của quá trình sao lưu dữ liệu
- B. Đáp ứng đúng yêu cầu của tổ chức và đảm bảo tính an toàn của dữ liệu
- C. Đảm bảo tính hoạt động của quy trình sao lưu dữ liệu dự phòng
- D. Tìm cách không chế dữ liệu

Câu 4: Cần cấu hình và xây dựng kế hoạch phục hồi dữ liệu trong trường hợp?

- A. Xảy ra tình huống bất ngờ
- B. Xảy ra sự cố
- C. Xảy ra các sự việc không mong muốn
- D. Tránh nhân viên đăng nhập vào CSDL

Câu 5: Bạn có thể chọn các tùy chọn sao lưu dữ liệu ở trong cửa sổ nào?

- A. "File"
- B. "New Session"
- C. "Export Database"
- D. "Select All"

Câu 6: Để bắt đầu quá trình sao lưu dữ liệu ta nhấn vào nút?

- A. New Session
- B. Export Database
- C. Export
- D. Save

Câu 7: Sao lưu cơ sở dữ liệu từ máy tính nguồn bằng cách?

- A. Sử dụng công cụ sao lưu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu đang sử dụng trên máy tính nguồn để tạo ra một file sao lưu dữ liệu của cơ sở dữ liệu.
- B. Có thể sử dụng các phương tiện như USB, mạng LAN, FTP, hoặc các dịch vụ chia sẻ file để chuyển file sao lưu dữ liệu từ máy tính nguồn sang máy tính đích.
- C. Trên máy tính đích, sử dụng công cụ phục hồi dữ liệu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu tương ứng để đọc file sao lưu dữ liệu và khôi phục cơ sở dữ liệu trên máy tính đích.
- D. Sử dụng các ứng dụng đám mây như Google Drive, OneDrive để sao lưu dữ liệu.

Câu 8: Phục hồi cơ sở dữ liệu trên máy tính đích bằng cách?

- A. Sử dụng công cụ sao lưu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu đang sử dụng trên máy tính nguồn để tạo ra một file sao lưu dữ liệu của cơ sở dữ liệu.
- B. Có thể sử dụng các phương tiện như USB, mạng LAN, FTP, hoặc các dịch vụ chia sẻ file để chuyển file sao lưu dữ liệu từ máy tính nguồn sang máy tính đích.
- C. Trên máy tính đích, sử dụng công cụ phục hồi dữ liệu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu tương ứng để đọc file sao lưu dữ liệu và khôi phục cơ sở dữ liệu trên máy tính đích.
- D. Sử dụng các ứng dụng đám mây như Google Drive, OneDrive để sao lưu dữ liệu.

Câu 9: Chuyển file sao lưu dữ liệu sang máy tính đích bằng cách?

- A. Sử dụng công cụ sao lưu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu đang sử dụng trên máy tính nguồn để tạo ra một file sao lưu dữ liệu của cơ sở dữ liệu.
- B. Có thể sử dụng các phương tiện như USB, mạng LAN, FTP, hoặc các dịch vụ chia sẻ file để chuyển file sao lưu dữ liệu từ máy tính nguồn sang máy tính đích.
- C. Trên máy tính đích, sử dụng công cụ phục hồi dữ liệu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu tương ứng để đọc file sao lưu dữ liệu và khôi phục cơ sở dữ liệu trên máy tính đích.
- D. Sử dụng các ứng dụng đám mây như Google Drive, OneDrive để sao lưu dữ liệu.